



TỜ KHAI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ TẠM XUẤT-TÁI NHẬP
(CUSTOMS DECLARATION FOR TEMPORARY EXPORT AND RE-IMPORT
MEANS OF TRANSPORTATION)

(Liên 1: Bản giao người điều khiển phương tiện/Copy 1: For the operator of means of transportation)

Số tờ khai (Declaration No.):/TN/HQCK....., Ngày (date-d/m/y):/...../20.....

PHẦN NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN KHAI BÁO (DECLARATION OF THE OPERATOR OF MEANS OF TRANSPORTATION)	PHẦN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC (FOR CUSTOMS USE)
A. Người điều khiển phương tiện/Driver's Detail: - Họ và tên/Full name:; - Quốc tịch/Nationality:; - Hộ chiếu số/Passport No:; - Giấy thông hành số/Border Pass No:; + Ngày cấp/Issue Date:; + Nơi cấp/Issue Place:; - Địa chỉ/Address:; B. Nhận dạng phương tiện/Detail of means of transportation: - Loại/Type:; - Nhãn hiệu/Label or mark:; - Biển kiểm soát số/Licence Plate No:; - Nước đăng ký/Registering Country:; - Màu/color:; - Số chỗ ngồi/seats:; - Số khung/Chassis Serial No.:; - Số máy/Engine Serial No.:; C. Chủ sở hữu phương tiện/Owner of means of transportation: Khai báo, nếu người điều khiển không là chủ sở hữu phương tiện (gồm: cá nhân, công ty, cơ quan) /Full in, if Driver is not the Owner of means of transportation (included: private, company, organization) + Họ và tên/Full name:; + Quốc tịch/Nationality:; + Địa chỉ/Address:; D. Giấy phép cho PTVT qua biên giới/Permitted Document of means of transportation: - Giấy phép qua biên giới số/Transit No:; - Ngày cấp/Issue date:; - Cơ quan cấp/Issue by:;	I. XÁC NHẬN TẠM XUẤT (TEMPORARY-EXPORT) 1. Xác nhận của công chức tiếp nhận hồ sơ: (Authentication of customs documents receiver) ☐ Miễn kiểm tra; ☐ Kiểm tra phương tiện vận tải; Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp) 2. Xác nhận của công chức kiểm tra, giám sát: (Authentication of examiner of means of transportation) ☐ Biên bản vi phạm (nếu có); Kết quả:; ; Phương tiện qua cửa khẩu hồi: giờ ngày/...../20..... Ký, đóng dấu công chức: (Signature and stamp) II. XÁC NHẬN TÁI NHẬP (RE-IMPORT) 1. Xác nhận của công chức tiếp nhận hồ sơ: (Authentication of customs documents receiver) - Cửa khẩu tái nhập:; - Ngày:/...../20..... ☐ Miễn kiểm tra;

- Thời hạn cho phép/Duration Allowed for being in Việt Nam: ngày/date; Ngày tái nhập/Re-importation date: - Phạm vi hoạt động/Travelling Area: - Cửa khẩu tái nhập/Entry Checkpoint: E. Thông tin về hàng hóa, hành khách (informations of commodity, passengers): ☐ Hàng hóa/Commodity: - Tên hàng/goods name: - Tờ khai hải quan số/declaration No:ngày: .../.../20...; ☐ Số lượng/numbers: khách/passengers; Ngày (date-d/m/y) .../.../20... Người điều khiển/Driver Ký/Signature Ghi chú/Note: khai bổ sung (nếu có) ở trang sau/supplemental Declaration (if any) in verso.	☐ Kiểm tra phương tiện vận tải; ☐ Khai bổ sung (nếu có); Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp) 2. Xác nhận của công chức kiểm tra, giám sát: (Authentication of examiner of means of transportation) ☐ Biên bản vi phạm (nếu có); Kết quả:; Phương tiện qua cửa khẩu hồi: giờ ngày/...../20..... Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)
---	--

Mẫu số 1 - Phụ lục V

PHẦN KHAI BỔ SUNG PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI
(SUPPLEMENTAL DECLARATION FOR MEANS OF TRANSPORTATION)

PHẦN NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN KHAI BÁO (DECLARATION OF THE OPERATOR OF MEANS OF TRANSPORTATION)	PHẦN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC (FOR CUSTOMS USE)
1. Thay đổi so với tạm nhập/tạm xuất (nếu có) (Changes made to the means of transportation (if any)): a/ Thay người điều khiển PTVT (Change made to Operator of means of transportation): ☐ - Họ và tên/Full name: - Quốc tịch/Nationality: - Địa chỉ thường trú/Permanent residential address: - Số Hộ chiếu hoặc Giấy thông hành:, (Passport or Border-pass No.) + Ngày cấp (date of issue-d/m/y):/...../20..... b/ Gia hạn thời hạn lưu hành PTVT (Extension of operation of means of transportation): ☐	2. Xác nhận của công chức tiếp nhận: (Authentication of customs documents receiver) - Về hồ sơ (Of dossiers) + Ngày (Date): /..... /20.... Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)

- Văn bản gia hạn số: (No of permitted document allowing such extension) + Được phép lưu hành đến hết ngày:/...../20..... (Duration of operation extended to) + Cơ quan gia hạn: (Authority allowing such extension): + Ngày cấp (date-d/m/y):/...../20..... - Lý do gia hạn: (Reason(s) for such extension) + Sửa chữa (repair) ☐ + Tai nạn giao thông (accidents) ☐ + Lý do khác (other): Ngày (date-d/m/y)/...../20..... Người khai báo (Customs declarant) Ký (Signature) Ghi rõ họ tên (Full name) 	
--	--

Mẫu số 1 - Phụ lục V



TỜ KHAI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ TẠM XUẤT-TÁI NHẬP
(CUSTOMS DECLARATION FOR TEMPORARY EXPORT AND RE-IMPORT
MEANS OF TRANSPORTATION)

(Liên 2: Bản cơ quan Hải quan lưu/Copy 2: Retained by Customs)

Số tờ khai (Declaration No.):/TN/HQCK....., **Ngày** (date-d/m/y):/...../20.....

PHẦN NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN KHAI BÁO (DECLARATION OF THE OPERATOR OF MEANS OF TRANSPORTATION)	PHẦN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC (FOR CUSTOMS USE)
A. Người điều khiển phương tiện/Driver's Detail: - Họ và tên/Full name:; - Quốc tịch/Nationality:; - Hộ chiếu số/Passport No:; - Giấy thông hành số/Border Pass No:; + Ngày cấp/Issue Date:; + Nơi cấp/Issue Place:; - Địa chỉ/Address:; B. Nhận dạng phương tiện/Detail of means of transportation: - Loại/Type:; - Nhãn hiệu/Label or mark:;	I. XÁC NHẬN TẠM XUẤT (TEMPORARY-EXPORT) 1. Xác nhận của công chức tiếp nhận hồ sơ: (Authentication of customs documents receiver) ☐ Miễn kiểm tra; ☐ Kiểm tra phương tiện vận tải; Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp) 2. Xác nhận của công chức kiểm tra, giám sát: (Authentication of examiner of means of transportation)

- Biển kiểm soát số/Licence Plate No:; - Nước đăng ký/Registering Country:; - Màu/color:; - Số chỗ ngồi/seats:; - Số khung/Chassis Serial No.:; - Số máy/Engine Serial No.:; C. Chủ sở hữu phương tiện/Owner of means of transportation: Khai báo, nếu người điều khiển không là chủ sở hữu phương tiện (gồm: cá nhân, công ty, cơ quan) /Full in, if Driver is not the Owner of means of transportation (included: private, company, organization) + Họ và tên/Full name:; + Quốc tịch/Nationality:; + Địa chỉ/Address:; D. Giấy phép cho PTVT qua biên giới/Permitted Document of means of transportation: - Giấy phép qua biên giới số/Transit No:; - Ngày cấp/Issue date:; - Cơ quan cấp/Issue by:; - Thời hạn cho phép/Duration Allowed for being in Việt Nam: ngày/date; Ngày tái nhập/Re-importation date:; - Phạm vi hoạt động/Travelling Area:; - Cửa khẩu tái nhập/Entry Checkpoint:; E. Thông tin về hàng hóa, hành khách (informations of commodity, passengers): ☐ Hàng hóa/Commodity: - Tên hàng/goods name:; - Tờ khai hải quan số/declaration No:ngày:...../...../20...; ☐ Số lượng/numbers: khách/passengers; Ngày (date-d/m/y) .../.../20... Người điều khiển/Driver Ký/Signature Ghi chú/Note: Khai bổ sung (nếu có) ở trang	☐ Biên bản vi phạm (nếu có); Kết quả:; Phương tiện qua cửa khẩu hồi: giờ ngày/...../20..... Ký, đóng dấu công chức: (Signature and stamp) II. XÁC NHẬN TÁI NHẬP (RE-IMPORT) 1. Xác nhận của công chức tiếp nhận hồ sơ: (Authentication of customs documents receiver) - Cửa khẩu tái nhập:; - Ngày:/...../20..... ☐ Miễn kiểm tra; ☐ Kiểm tra phương tiện vận tải; ☐ Khai bổ sung (nếu có); Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp) 2. Xác nhận của công chức kiểm tra, giám sát: (Authentication of examiner of means of transportation) ☐ Biên bản vi phạm (nếu có); Kết quả:; Phương tiện qua cửa khẩu hồi: giờ ngày/...../20... Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)
--	--

sau/supplemental Declaration (if any) in verso.

Mẫu số 1 - Phụ lục V

PHẦN KHAI BỐ SUNG PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI
(SUPPLEMENTAL DECLARATION FOR MEANS OF TRANSPORTATION)

PHẦN NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN KHAI BÁO (DECLARATION OF THE OPERATOR OF MEANS OF TRANSPORTATION)	PHẦN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC (FOR CUSTOMS USE)
1. Thay đổi so với tạm nhập/tạm xuất (nếu có) (Changes made to the means of transportation (if any)): a/ Thay người điều khiển PTVT (Change made to Operator of means of transportation): ☐ - Họ và tên/Full name:; - Quốc tịch/Nationality:; - Địa chỉ thường trú/Permanent residential address:; - Số Hộ chiếu hoặc Giấy thông hành:, (Passport or Border-pass No.) + Ngày cấp (date of issue-d/m/y):/...../20..... b/ Gia hạn thời hạn lưu hành PTVT (Extension of operation of means of transportation): ☐ - Văn bản gia hạn số:, (No of permitted document allowing such extension) + Được phép lưu hành đến hết ngày:/...../20....., (Duration of operation extended to) + Cơ quan gia hạn: (Authority allowing such extension): + Ngày cấp (date-d/m/y): .../.../20... - Lý do gia hạn: (Reason(s) for such extension) + Sửa chữa (repair) ☐ + Tai nạn giao thông (accidents) ☐ + Lý do khác (other): Ngày (date-d/m/y)/...../20..... Người khai báo (Customs declarant) Ký (Signature) Ghi rõ họ tên (Full name) 	2. Xác nhận của công chức tiếp nhận: (Authentication of customs documents receiver) - Về hồ sơ (Of dossiers) + Ngày (Date): /..... /20.... Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)